TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:95/2019/DS-PT Ngày: 04/4/2019 V/v tranh chấp:"Hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hằng

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2019/DSPT ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án sơ thẩm số 328/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Dương Thị Thanh T, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp V, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Phan Văn S, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp V, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền: Võ Tuấn Vĩnh Th, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: 29 Tổ 1, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2018)

- *Bị đơn:*

1. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1981 (có mặt).

2. Nguyễn Tri T1, sinh năm 1979 (có mặt).

3. Nguyễn Thị L, sinh năm 1944 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Đặng Thị Ngọc A, sinh năm 1958 (có mặt).

2. Cù Hữu T2, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Ông Cù Hữu T2 ủy quyền cho bà Đặng Thị Ngọc A theo văn bản ủy quyền ngày 23/06/2018).

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Dương Thị Thanh T và anh Phan Văn S, đại diện ủy quyền là anh Võ Tuấn Vĩnh Th trình bày:

Vợ chồng chị Dương Thị Thanh T và anh Phan Văn S có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Tri T1 vay nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 20/06/2017 cho vay số tiền là 60.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 500.000 đồng, trả trong 120 ngày.

- Ngày 24/06/2017 cho vay số tiền là 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày là 500.000 đồng, trả trong 55 ngày.

- Ngày 01/07/2017 cho vay số tiền là 120.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, số tiền vay này bà Nguyễn Thị L đứng ra bảo lãnh.

- Ngày 17/07/2017 cho vay số tiền là 120.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng, trả trong 120 ngày.

- Ngày 24/07/2017 cho vay số tiền là 180.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.500.000 đồng, trả trong 120 ngày, số tiền vay này bà Nguyễn Thị L ký với tư cách người làm chứng.

- Ngày 02/08/2017 cho vay số tiền là 30.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 05 tháng.

- Ngày 30/08/2017 cho vay số tiền là 50.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng.

Tổng cộng chị H, anh T1 đã vay của chị T, anh S tổng số tiền là 580.000.000 đồng, những lần vay tiền đều có viết biên nhận có anh T1, chị H đều có ký tên, đối

với lần vay 120.000.000 đồng vào ngày 01/07/2017 bà Nguyễn Thị L có ký tên vào biên nhận với tư cách là người bảo lãnh, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Tuy nhiên từ khi vay tiền đến nay anh T1, chị H và bà L không trả vốn và lãi như đã thỏa thuận.

Nay anh S, chị T yêu cầu anh T1, chị H và bà L liên đới trả cho A, chị số tiền là 120.000.000 đồng và tiền lãi của lần vay ngày 01/07/2017, yêu cầu anh T1 và chị H liên đới trả số tiền là 460.000.000 đồng và tiền lãi của các lần vay còn lại, yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tính từ ngày 31/08/2017 cho đến khi Tòa án xét xử, yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa 02 thửa đất của anh T1, chị H để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Tri T1 trình bày:

Thừa nhận có vay tiền của chị Dương Thị Thanh T và anh Phan Văn S các lần vay như nguyên đơn trình bày với số tiền vốn và lãi là 580.000.000 đồng, trong đó tiền vốn là 540.000.000 đồng, tiền lãi là 40.000.000 đồng. Các lần vay có làm biên nhận và có ký tên vào biên nhận, vay với hình thức là trả góp hàng ngày. Vợ chồng chị có nhận số tiền gốc là 540.000.000 đồng của chị T và anh S. Sau đó vợ chồng anh chị có trả góp được cho vợ chồng anh S và chị T là 110.000.000 đồng. Nay anh chị nhận còn nợ vợ chồng chị T, anh S số tiền là 430.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà là mẹ ruột của anh Nguyễn Tri T1, bà có chứng kiến hai lần vay tiền của vợ chồng anh T1, chị H vay tiền của chị T và anh S, bà có ký tên vào hai biên nhận ngày 01/07/2017 và 24/07/2017 với tư cách là người chứng kiến; về số tiền vay vào ngày 01/07/2017 bà chứng kiến chị H, anh T1 vay số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với lần vay ngày 01/07/2017 con dâu bà là chị H viết biên nhận kêu bà ký tên vào biên nhận chứng kiến, do không đọc lại nên bà ký tên vào biên nhận với tư cách là người bảo lãnh.

Nay bà không đồng ý liên đới cùng với anh T1, chị H trả số tiền vốn vay vào ngày 01/07/2017 là 120.000.000 đồng và lãi cho anh S, chị T; tiền vay do chị H và anh T1 vay thì chị H và anh T1 trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Ngọc A và ông Cù Hữu T2 trình bày:

Vào ngày 18/12/2017 có nhận chuyển nhượng 02 thửa đất của anh T1, chị H gồm thửa 2463, tờ bản đồ số 02, diện tích 86,2m^2, đất trồng cây lâu năm và thửa 2464, tờ bản đồ số 02, diện tích 256,7m^2 (toàn bộ diện tích thửa đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường bộ), đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Thới, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng tại Uỷ ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã đóng thuế đang chờ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong

tỏa 02 thửa đất nêu trên, nên ông và bà không làm thủ tục sang tên được. Nay ông bà đề nghị Tòa án xem xét hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ông, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 328/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 335, 336, 339, 342, 463, 466, 468, 470 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thanh T, anh Phan Văn S.

1/ Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Tri T1, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả 132.600.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng) cho chị Dương Thị Thanh T, anh Phan Văn S. Thực hiện trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Tri T1 có trách nhiệm liên đới trả 508.300.000 đồng (năm trăm lẻ tám triệu ba trăm ngàn đồng) cho chị Dương Thị Thanh T, anh Phan Văn S. Thực hiện trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Tiếp tục áp dụng Quyết định số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với thửa đất số 2463, diện tích 86,2m^2, tờ bản đồ số 02, loại đất cây lâu năm được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00420 ngày 11/12/2017 cho anh Nguyễn Tri T1 và thửa đất số 2464, diện tích 256,7m^2, tờ bản đồ số 02, loại đất cây lâu năm được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00420 ngày 11/12/2017 cho anh Nguyễn Tri T1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 23/11/2018, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm số 328/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và tuyên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đồng thời đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho Nguyễn Thị Ngọc H được giảm án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung yêu cầu kháng cáo

của chị Nguyễn Thị Ngọc H là không có cơ sở vì không cung cấp được chứng cứ mới. Tuy nhiên về án phí sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Án sơ thẩm buộc bà L phải liên đới chịu án phí là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, sửa phần án phí của bản án sơ thẩm, không buộc bà L phải liên đới chịu án phí cùng với chị H và anh T1.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ. Bà Nguyễn Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà L.

[2] Về nội dung: Các đương sự trình bày thống nhất, vợ chồng chị Dương Thị Thanh T và anh Phan Văn S có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Tri T1 vay từ ngày 20/06/2017 đến ngày 30/8/2017, tổng cộng 07 lần tiền là 580.000.000 đồng. Trong đó lần vay ngày 01/07/2017 số tiền 120.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị L đứng ra bảo lãnh. Các lần vay tiền đều có viết biên nhận nợ.

Sau khi vay nợ, chị H, anh T1, bà L không trả tiền lãi và tiền vốn cho chị T và anh S. Chị T và anh S khởi kiện yêu cầu chị H, anh T1 và bà L phải trả cho chị T và anh S số tiền đã vay và tiền lãi theo lãi suất cơ bản.

[3] Xét hợp đồng vay tài sản giữa chị T, anh S với chị H, anh T1 và bà L. Chị H , anh T1 và bà L vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi theo thỏa thuận.

Án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thanh T và anh Phan Văn S. Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Tri T1 và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả 132.600.000 đồng tiền vốn và tiền lãi cho chị Dương Thị Thanh T và anh Phan Văn S. Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Tri T1 có trách nhiệm liên đới trả 508.300.000 đồng tiền vốn và tiền lãi cho chị Dương Thị Thanh T và anh Phan Văn S là có căn cứ theo quy định tại các Điều 336, 339, 342, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo yêu cầu được trả dần tiền nợ vay cho chị T và anh S, mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đồng thời đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho chị H được giảm án phí.

Xét yêu cầu kháng cáo xin trả nợ dần của chị H không được đại diện theo ủy quyền của chị T và anh S đồng ý. Đối với yêu cầu kháng cáo của chị H về việc xin giảm án phí là không phù hợp quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án, vì chị H có tài sản để thi hành án, không thuộc trường hợp có khó khăn về kinh tế. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1944 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án sơ thẩm buộc bà L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 132.600.000 đồng phải trả cho chị T và anh S là chưa chính xác. Cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 336, 339, 342, 357, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc H, sửa một phần về án phí bản án dân sự sơ thẩm số 328/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thanh T, anh Phan Văn S.

- Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Tri T1, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả 132.600.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng) cho chị Dương Thị Thanh T, anh Phan Văn S. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Tri T1 có trách nhiệm liên đới trả 508.300.000 đồng (Năm trăm lẻ tám triệu ba trăm ngàn đồng) cho chị Dương Thị Thanh T, anh Phan Văn S. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Dương Thị Thanh T, anh Phan Văn S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Tri T1, bà Nguyễn Thị L chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3/ Tiếp tục duy trì Quyết định số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp khẩn cấp

tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với thửa đất số 2463, diện tích 86,2m^2, tờ bản đồ số 02, loại đất cây lâu năm được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00420 ngày 11/12/2017 cho anh Nguyễn Tri T1 và thửa đất số 2464, diện tích 256,7m^2, tờ bản đồ số 02, loại đất cây lâu năm được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00420 ngày 11/12/2017 cho anh Nguyễn Tri T1.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Tri T1 liên đới chịu 28.752.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008968 ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ nên còn phải nộp tiếp 28.452.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại chị Dương Thị Thanh T 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 26736 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại anh Phan Văn Sơn 7.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 26882 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSDN tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Hiếu